

Số: 29/BC-MNBL

Bắc Lý, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Bắc Lý.

**2. Địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nội Rối, xã Bắc Lý, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0976565009

Địa chỉ thư điện tử: tmnbacly.xabacly@ninhbinh.gov.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://mnbacly.ninhbinh.edu.vn/>

**3. Loại hình cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp**

Loại hình: Trường mầm non công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Bắc Lý.

Cơ quan quản lý chuyên môn: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Mầm non Bắc Lý**

**4.1. Sứ mạng**

Trường Mầm non Bắc Lý cam kết tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, giàu tình yêu thương và sáng tạo. Nhà trường mang đến cơ hội học tập và phát triển toàn diện cho trẻ, giúp trẻ phát huy tối đa tiềm năng cá nhân, xây dựng nền tảng vững chắc về nhân cách, trí tuệ và kỹ năng xã hội.

**4.2. Tầm nhìn**

Trở thành một trong những trường mầm non hàng đầu tại địa phương, đi đầu trong đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng công nghệ hiện đại và phát triển chương trình học tiên tiến. Trường Mầm non Bắc Lý hướng tới việc đào tạo các thế hệ mầm non tự tin, sáng tạo, biết yêu thương và sống trách nhiệm với cộng đồng.

**4.3. Mục tiêu**

- Ngắn hạn: Cải thiện cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn và chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn.

Thực hiện các chương trình giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng phát triển toàn diện: trí tuệ, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội.

- Dài hạn:

Xây dựng môi trường giáo dục chuẩn quốc gia phù hợp tình hình mới với các phương tiện giáo dục hiện đại, áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới vào giảng dạy, phù hợp với điều kiện thực tế. Tăng cường sự kết nối giữa nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Đào tạo thế hệ mầm non phát triển toàn diện, sẵn sàng bước vào các cấp học cao hơn với nền tảng vững chắc.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường**

Trường mầm non xã Bắc Lý được thành lập năm 1996 thuộc loại hình trường Dân lập. Sau 7 năm thành lập, trường được chuyển đổi sang loại hình trường Bán công. Đến tháng 01 năm 2012 trường được chuyển đổi sang loại hình trường Công lập theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Trải qua 26 năm xây dựng và phát triển, nhà trường luôn tiếp nối và phát huy những mạch nguồn truyền thống của quê hương có phong trào thi đua “Hai tốt”, có nền Giáo dục phát triển đồng bộ ở cả 3 bậc học.

Những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu thốn, đơn sơ, các lớp học nằm rải rác theo lũy tre xanh ở 18 thôn xóm, phòng học của trẻ hầu hết là được tận dụng từ nhà kho của các thôn xóm, hợp tác xã; trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi hầu như không có và không đáp ứng được yêu cầu của chương trình GDMN. Khi ấy trẻ phải học ghép các độ tuổi; giáo viên trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ chủ yếu là chấp vá, tạm thời, ít giáo viên được đào tạo chính quy. Chất lượng các hoạt động và phong trào thi đua của nhà trường luôn xếp ở tốp cuối của bậc học mầm non huyện Lý Nhân.

Tháng 9 năm 2003, cô giáo Nguyễn Thị Thu Hà được bổ nhiệm về làm Hiệu trưởng, 18 năm gắn bó với trường, cô cùng với tập thể cán bộ, giáo viên xây dựng trường Mầm non xã Bắc Lý với những bước tiến mới.

Mặc dù đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có nhiều biến động, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu thốn, đơn sơ nhưng sau 18 năm nỗ lực phấn đấu, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng GDĐT huyện Lý Nhân, của Đảng ủy, UBND xã Bắc Lý, sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể và sự cộng tác ủng hộ của nhân dân địa phương, nhà trường đã từng bước làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được nguồn vốn để tu sửa và xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường sư phạm.

Năm 2012, điểm trường khu Chung Lý được khởi công. Năm học 2013-2014, điểm trường khu Chung Lý được khánh thành, các điểm trường khu Chung Lý được dồn vào một khu. Đến thời điểm đó, trường Mầm non xã Bắc Lý chỉ còn 02 điểm trường. Năm 2014, điểm trường khu Trung Tâm được khởi công xây dựng. Năm học 2017-2018, điểm trường khu Trung Tâm được cất bằng khánh thành và đưa vào hoạt động.

Tháng 6/2018, đ/c Phan Thị Bích Thảo - Phó hiệu trưởng trường Mầm non xã Nhân Đạo được điều động giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non xã Bắc Lý thực hiện chỉ đạo các nội dung về giáo dục, các cuộc thi.

Tháng 7/2018: Trường Mầm non xã Bắc Lý được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam công nhận là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2;

Từ khi được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nhà trường luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, các tiêu chí thi đua. Nhiều năm liên tục, trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

Tháng 3/2018: Trường Mầm non xã Bắc Lý đạt giải ba cấp tỉnh trong cuộc thi “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”;

Từ năm 2017-2021, nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

+ Năm học 2019-2020: Trường xếp thứ 1/23 trường mầm non trong huyện, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen.

+ Năm học 2020 -2021: Trường xếp thứ 1/23 trường mầm non trong huyện, được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam tặng Cờ thi đua.

- Năm 2020, 2021, chi bộ trường mầm non xã Bắc Lý được Đảng ủy xã Bắc Lý xếp loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm đến các cuộc thi, các hoạt động bề nổi do ngành, địa phương tổ chức.

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Từ những ngày, trường mới thành lập, giáo viên trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ chủ yếu là chấp vá, tạm thời, ít giáo viên được đào tạo chính quy. Đến thời điểm tháng 02/2022, tổng số CB, GV, NV là 40, trong đó trình độ ĐH: 14 người, đạt 35%; trình độ CĐ: 25/40, đạt 62,5%, trình độ TC: 1/40, chiếm 2,5%. 100% CB, GV, NV thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ có hiệu quả.

Tháng 01 năm 2019, cô giáo Hoàng Thị Khanh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non xã Bắc Lý, phụ trách nội dung chăm sóc nuôi dưỡng, thống kê.

Tháng 8/2021 cô giáo Nguyễn Thị Thu Hà - Hiệu trưởng nhà trường nghỉ theo chế độ. Với 18 năm gắn bó với trường, cô luôn động viên, tạo mọi điều kiện để cán bộ giáo viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Từ một trường xếp thứ “ô trũng” trong huyện đã chuyển mình, vươn lên trở thành một trong những ngôi trường dẫn đầu huyện về phong trào thi đua chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Năm 2013-2014 trường được Bộ giáo dục và đào tạo tặng bằng khen là đơn vị xuất sắc hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Năm học 2017 - 2018 đạt giải 3 cuộc thi “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” cấp tỉnh, được công nhận “Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II” và nhiều thành tích nổi bật khác.

Tháng 9 năm 2021 cô giáo Đặng Thị Vân Anh - Phó hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Mầm non Bắc Lý. Kế tục sự nghiệp xây dựng nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo CB, GV, NV tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Đặc biệt trường Mầm non Bắc Lý tiếp tục thực

hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” để trường mầm non Bắc Lý luôn là điểm sáng trong thực hiện chuyên đề và thực sự là nơi cha mẹ trẻ tin yêu và gửi gắm con đến nhà trường.

Đội ngũ giáo viên ổn định, yên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn học hỏi để nâng cao trình độ tay nghề. Chi bộ Đảng số lượng Đảng viên ngày càng tăng, liên tục đạt chi bộ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường luôn đoàn kết, động viên, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ, liên tục đạt công đoàn mạnh.

Đặc biệt trong thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường mầm non xã Bắc Lý đã có những bước tiến mang tính đột phá về môi trường và chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Khuôn viên nhà trường là một không gian xanh, an toàn, thân thiện, mang lại sự thoải mái, tự do vui chơi, khám phá đầy ắp sự say mê sáng tạo cho trẻ và thực sự là môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Với những kết quả đạt được, trường Mầm non Bắc Lý được Sở GDĐT Hà Nam chọn làm mô hình điểm trong thực hiện chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và được Giám đốc Sở GDĐT tặng Giấy khen về thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.

Năm học 2024-2025, nhà trường sáng tạo và thực hiện có hiệu quả chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”; tích cực tổ chức các hoạt động cho trẻ mẫu giáo tham gia chương trình “Tôi yêu Việt Nam” với nhiều hình thức đa dạng, phong phú vừa giúp trẻ được trải nghiệm đồng thời giáo dục trẻ biết chấp hành một số luật giao thông.

Cùng với sự phát triển của sự nghiệp giáo dục của huyện Lý Nhân, sau gần 30 năm, được sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, trường Mầm non xã Bắc Lý đã có bước phát triển mạnh mẽ, cơ sở vật chất ngày càng khang trang, đội ngũ cán bộ giáo viên ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

#### **\* Các danh hiệu và thành tích khen thưởng đã được ghi nhận**

##### **Danh hiệu khen thưởng**

| <b>Năm học</b> | <b>Hình thức khen thưởng</b>        | <b>Số, ngày, tháng, năm của quyết định tặng hình thức khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định</b> |
|----------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2020 - 2021    | Được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. | Quyết định số: 1751/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam.                       |
| 2021 - 2022    | Được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. | Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam.                         |
| 2022 - 2023    | Được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. | Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Hà Nam.                                    |

| <b>Năm học</b> | <b>Hình thức khen thưởng</b>        | <b>Số, ngày, tháng, năm của quyết định tặng hình thức khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định</b> |
|----------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2023 - 2024    | Được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. | Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Hà Nam.                                    |
| 2024 - 2025    | Được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. | Quyết định số: 1708/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hà Nam.                        |

### **Hình thức khen thưởng**

| <b>Năm học</b> | <b>Hình thức khen thưởng</b>                                       | <b>Số, ngày, tháng, năm của quyết định tặng hình thức khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định</b>                                                          |
|----------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2019 - 2020    | Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo                               | Quyết định số: 3198/QĐ-BGDĐT, ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.                                                                                        |
| 2021 - 2022    | Bằng khen của UBND tỉnh Hà Nam.                                    | Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam.                                                                                  |
| 2023 - 2024    | Bằng khen của UBND tỉnh Hà Nam.                                    | Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Hà Nam.                                                                                             |
| 2024 - 2025    | Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT.<br>Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT. | Quyết định số 942/QĐ-SGDĐT ngày 16/12/2024 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hà Nam.<br>Quyết định số 537/QĐ-SGDĐT ngày 21/5/2025 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hà Nam. |

Đến 01/7/2026, trường Mầm non xã Bắc Lý được đổi tên là trường Mầm non Bắc Lý theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý về việc tiếp nhận, điều chỉnh tên gọi các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý quản lý.

- Năm học 2025-2026

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động năm học 2025-2026 là: 49 người

Trong đó: Hiệu trưởng 01; Phó Hiệu trưởng 02; Giáo viên: 38; Nhân viên: 02; 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư); Người nấu ăn 06.

- Trình độ chuyên môn cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Cán bộ quản lý: 03 người, trình độ chuyên môn 03/03 Đại học GDMN.

Giáo viên: 38 người: Trình độ ĐHGDMN: 30/38 người, đạt 78,9%; trình độ CĐSPMN: 8/38 người, đạt 21,1%.

Nhân viên: 02 người (01 Kế toán trình độ ĐHKT; 01 nhân viên Văn thư, trình độ: Đại học)

+ Trường có 03 tổ chuyên môn: Tổ mẫu giáo, tổ nhà trẻ và 01 tổ văn phòng.

+ Tổng số trẻ: 481 cháu (Nhà trẻ: 125; Mẫu giáo 356)

+ Số nhóm, lớp: 18. Trong đó có 04 nhóm trẻ; 14 lớp mẫu giáo (04 lớp mẫu giáo 3 tuổi, 05 lớp MG 4 tuổi; 05 lớp mẫu giáo 5 tuổi);

Phát huy những thành tích đã đạt được của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo CB, GV, NV tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Đặc biệt trường Mầm non Bắc Lý tiếp tục thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” và thực hiện hiệu quả các tiêu chí của trường mầm non Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc để trường Mầm non Bắc Lý luôn là điểm sáng trong thực hiện chuyên đề và thực sự là nơi cha mẹ trẻ tin yêu và gửi gắm con đến nhà trường.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Đặng Thị Vân Ánh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Bắc Lý. Điện thoại: 0976565009.

Email: dangthivananh@hanam.edu.vn.

## **7. Tổ chức bộ máy**

a) Quyết định thành lập, sáp nhập

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2025, trường Mầm non Bắc Lý được đổi tên thành trường Mầm non Bắc Lý theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý về việc tiếp nhận, điều chỉnh tên gọi các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý quản lý.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mầm non Bắc Lý, nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách thành viên hội đồng trường

| STT | Họ và tên           | Chức vụ               | Chức danh          |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|
| 1   | Đặng Thị Vân Ánh    | Hiệu trưởng           | Chủ tịch           |
| 2   | Phan Thị Bích Thảo  | Phó Hiệu trưởng       | P. Chủ tịch        |
| 3   | Trần Thị Quyên      | Phó Hiệu trưởng       | P. Chủ tịch        |
| 4   | Trần Thị Thuỷ       | Tổ trưởng Tổ mẫu giáo | Thành viên- Thư ký |
| 5   | Cao Thị Thanh Tuyền | Tổ trưởng Tổ nhà trẻ  | Thành viên         |

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                | Chức danh  |
|-----|--------------------|------------------------|------------|
| 6   | Nguyễn Thị Oanh    | Tổ trưởng tổ văn phòng | Thành viên |
| 7   | Trần Thị Mai Hương | Bí thư chi đoàn        | Thành viên |
| 8   | Nguyễn Đình Tuấn   | Phó chủ tịch UBND      | Thành viên |
| 9   | Đặng Ngọc Tuấn     | Trưởng ban ĐDCM trẻ    | Thành viên |

Tại điểm b khoản 3 Điều 2 Luật số 123/2025/QH15 quy định “b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, hội đồng trường của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập kết thúc hoạt động, có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan cho hiệu trưởng; hiệu trưởng có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp trong thời gian 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hoạt động;”.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Lý Nhân về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối với bà Đặng Thị Vân Ánh - Hiệu trưởng.

- Quyết định số 6457/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Lý Nhân về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối với bà Trần Thị Quyên - Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 7150/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Lý Nhân về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối với bà Phan Thị Bích Thảo - Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Bắc Lý về việc tiếp nhận và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý giáo dục.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động, sơ đồ tổ chức bộ máy

- Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế: Quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế phối hợp với gia đình, cộng đồng trong thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy (có phụ lục kèm theo)

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc: Không có.

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển của nhà trường.

- Quy chế dân chủ.

- Nghị quyết hợp.

- Thông báo tuyển dụng.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động năm học 2025-2026 là: 49 người

Trong đó: Hiệu trưởng 01; Phó Hiệu trưởng 02; Giáo viên: 38; Nhân viên: 02: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư); Người nấu ăn 06.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm

Tổng số: 49 người. Hạng chức danh nghề nghiệp: Chuẩn nghề nghiệp GVMN Hạng IV: 0; Chuẩn nghề nghiệp GVMN Hạng III: 41; Chuẩn nghề nghiệp GVMN Hạng II: 0

Số lượng CB, GV theo trình độ đào tạo.

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số  | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         |
|------------|-------------------------------------------------------|----------|------------------|-----|----|----|----|---------|
|            |                                                       |          | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 49       | 0                | 0   | 35 | 8  | 6  | 0       |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | 38       | 0                | 0   | 30 | 8  | 0  | 0       |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 10       | 0                | 0   | 6  | 4  | 0  | 0       |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 28       | 0                | 0   | 24 | 4  | 0  | 0       |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | <b>3</b> |                  |     | 2  |    |    |         |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1        |                  |     | 1  |    |    |         |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2        |                  | 0   | 2  |    |    |         |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | 10       |                  |     | 2  |    |    |         |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     | 1        |                  |     | 1  |    |    |         |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1        |                  |     | 1  |    |    |         |
| 3          | Thủ quỹ                                               | 0        |                  |     |    |    |    |         |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 0        |                  |     |    |    |    |         |
| 5          | Nhân viên cấp dưỡng                                   | 6        |                  |     |    |    | 6  |         |

## 2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

| Đối tượng     | Năm học 2023-2024 |          |           |             |           |             | Năm học 2024-2025 |          |           |             |           |             |
|---------------|-------------------|----------|-----------|-------------|-----------|-------------|-------------------|----------|-----------|-------------|-----------|-------------|
|               | Đạt               |          | Khá       |             | Tốt       |             | Đạt               |          | Khá       |             | Tốt       |             |
|               | Số lượng          | Tỷ lệ %  | Số lượng  | Tỷ lệ %     | Số lượng  | Tỷ lệ %     | Số lượng          | Tỷ lệ %  | Số lượng  | Tỷ lệ %     | Số lượng  | Tỷ lệ %     |
| Hiệu trưởng   | 0                 | 0        | 0         | 0           | 1         | 100         | 0                 | 0        | 0         | 0           | 1         | 100         |
| P.Hiệu trưởng | 0                 | 0        | 0         | 0           | 2         | 100         | 0                 | 0        | 0         | 0           | 2         | 100         |
| Giáo viên     | 0                 | 0        | 11        | 29,7        | 26        | 70,3        | 0                 | 0        | 12        | 31,6        | 26        | 68,4        |
| <b>Tổng</b>   | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>11</b> | <b>27,5</b> | <b>29</b> | <b>72,5</b> | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>12</b> | <b>29,3</b> | <b>29</b> | <b>70,7</b> |

## 3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

| STT | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 | Đối sánh số liệu |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|------------------|
| 1   | <b>Cán bộ quản lý</b> |                     |                     |                  |
|     | Số lượng              | 3                   | 3                   |                  |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                | Đảm bảo kế hoạch |
| 2   | <b>Giáo viên</b>      |                     |                     |                  |
|     | Số lượng              | 38                  | 37                  |                  |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                | Đảm bảo kế hoạch |

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

| STT | Nội dung                                      | Năm 2024 - 2025      | Năm 2025 - 2026      | Đối sánh số liệu theo quy định |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Diện tích khu đất                             | 11.053m <sup>2</sup> | 11.053m <sup>2</sup> |                                |
|     | Điểm trường                                   | 02                   | 02                   |                                |
|     | Diện tích bình quân                           | 22,98m <sup>2</sup>  | 22,98m <sup>2</sup>  | Đạt yêu cầu                    |
| 2   | Số lượng, hạng                                |                      |                      |                                |
| 2.1 | Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ |                      |                      |                                |

| STT        | Nội dung                              | Năm 2024 - 2025 | Năm 2025 - 2026 | Đối sánh số liệu theo quy định |
|------------|---------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------|
|            | Phòng học                             | 18              | 18              | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng vệ sinh                         | 18              | 18              | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng ngủ                             | 0               | 0               |                                |
|            | Phòng thể chất                        | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng nghệ thuật                      | 1               | 1               | Đạt yêu cầu                    |
| <b>2.2</b> | <b>Khối phòng tổ chức ăn</b>          |                 |                 |                                |
|            | Nhà bếp                               | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Kho bếp                               | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
| <b>2.3</b> | <b>Khối phòng hành chính quản trị</b> |                 |                 |                                |
|            | Phòng hiệu trưởng                     | 1               | 1               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng phó hiệu trưởng                 | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Văn phòng trường                      | 1               | 1               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng bảo vệ                          | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Khu vệ sinh                           | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng nhân viên                       | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Khu để xe của giáo viên               | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
| <b>2.3</b> | <b>Khối phụ trợ</b>                   |                 |                 |                                |
|            | Phòng họp                             | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Phòng y tế                            | 2               | 2               |                                |
|            | Nhà kho                               | 18              | 18              | Đạt yêu cầu                    |
|            | Sân vườn                              | 2               | 2               | Đạt yêu cầu                    |
|            | Cổng, hàng rào                        |                 |                 | Đạt yêu cầu                    |

| STT        | Nội dung                                                     | Năm 2024 - 2025 | Năm 2025 - 2026 | Đối sánh số liệu theo quy định |
|------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------|
| <b>2.5</b> | <b>Hạ tầng kỹ thuật</b>                                      |                 |                 |                                |
|            | Hệ thống nước sạch                                           |                 |                 | Đạt yêu cầu                    |
|            | Hệ thống cấp điện                                            | Đảm bảo tốt     | Đảm bảo tốt     | Đạt yêu cầu                    |
|            | Hệ thống PCCC                                                | Đảm bảo tốt     | Đảm bảo tốt     | Đạt yêu cầu                    |
|            | Hạ tầng CNTT                                                 | Đảm bảo tốt     | Đảm bảo tốt     | Đạt yêu cầu                    |
|            | Khu thu gom rác thải                                         | Đảm bảo         | Đảm bảo         | Đạt yêu cầu                    |
|            | Số lượng đồ chơi ngoài trời.                                 | 48              | 48              | Đạt yêu cầu                    |
|            | Các nhóm, lớp có đủ đồ dùng đồ chơi tối thiểu theo quy định. | 18/18 nhóm, lớp | 18/18 nhóm, lớp | Đạt yêu cầu                    |

- Số điểm trường: 02 điểm (tính cả điểm trường chính)

- Tổng số phòng: 32 được xây dựng kiên cố, trong đó phòng học 18 phòng; phòng phục vụ học tập 03 phòng; phòng chức năng 11 phòng.

- Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- 2/2 bếp nuôi bán trú được xây dựng kiên cố theo nguyên tắc bếp một chiều, có đầy đủ đồ dùng, dụng cụ phục vụ đảm bảo an toàn cho công tác nuôi dưỡng.

#### *2.4. Đánh giá chung về điều kiện thực tế của đơn vị*

- Thuận lợi

+ Nhà trường được các cấp lãnh đạo, Sở GDĐT, Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bắc Lý quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

+ Trường là đơn vị có bề dày về thành tích, nhiều năm liên tục đạt Danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc. Kỷ cương nền nếp của nhà trường được duy trì;

+ Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình, tích cực tham gia các hoạt động của nhóm, lớp và của nhà trường;

+ Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đoàn kết, năng động, có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia các phong trào thi đua của ngành, của nhà trường và của địa phương phát động.

- Khó khăn:

+ Phòng âm nhạc, phòng máy tính của trẻ chưa có đủ trang thiết bị (Đàn, máy tính cho trẻ hoạt động) và một số đồ dùng trang thiết bị, đồ dùng chưa được thay thế, bổ sung kịp thời;

+ Năng lực của đội ngũ giáo viên không đồng đều, một số giáo viên trẻ mới tuyển dụng chưa có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Kinh phí phục vụ cho hoạt động của nhà trường còn hạn hẹp.

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Trường Mầm non Bắc Lý luôn xác định công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Năm học 2024-2025, trường Mầm non Bắc Lý được công đạt chất lượng giáo dục Cấp độ 3, được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 sau 05 năm.

Sau khi được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2, nhà trường đã xây dựng kế hoạch duy trì, phát huy các tiêu chuẩn đã đạt được; đồng thời triển khai các giải pháp cải tiến chất theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài. Công tác quản trị nhà trường, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được quan tâm đầu tư, nâng cấp thường xuyên. Trong giai đoạn 2025-2030, nhà trường tiếp tục duy trì ổn định và phát triển các tiêu chuẩn về tổ chức quản lý, đội ngũ, cơ sở vật chất, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; thực hiện nghiêm túc công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục hằng năm.

**\* Phương hướng trong thời gian tới**

Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia đã đạt được. Thực hiện hiệu quả công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục hằng năm theo quy định. Rà soát, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ minh chứng phục vụ công tác đánh giá ngoài chu kỳ 2024-2029.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tăng cường đầu tư, bảo quản và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục. Phấn đấu tiếp tục được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và duy trì Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 trong chu kỳ đánh giá tiếp theo.

**\* Kế hoạch thực hiện đánh giá ngoài**

Năm học 2025 - 2026: Tổ chức tự đánh giá, rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí; hoàn thiện hồ sơ minh chứng và báo cáo tự đánh giá. Năm 2029: Đề nghị cơ quan quản lý giáo dục tổ chức đánh giá ngoài theo quy định.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo  |            |            |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|-----------|------------|------------|
|            |                                                                  |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi  | 4-5 tuổi   | 5-6 tuổi   |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | <b>481</b>     | <b>0</b>        | <b>29</b>        | <b>96</b>        | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0          | 0          |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0          | 0          |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | 481            | 0               | 29               | 96               | 93        | 115        | 148        |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0          | 0          |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | <b>481</b>     | <b>0</b>        | <b>29</b>        | <b>96</b>        | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| <b>III</b> | <b>Số TE được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                      | <b>481</b>     | <b>0</b>        | <b>29</b>        | <b>96</b>        | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | <b>481</b>     | <b>0</b>        | <b>29</b>        | <b>96</b>        | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    | <b>481</b>     | <b>0</b>        | <b>29</b>        | <b>96</b>        | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| 1          | <i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>                               | 480            | 0               | 29               | 95               | 93        | 115        | 148        |
| 2          | <i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>                         | 1              | 0               | 0                | 1                | 0         | 0          | 0          |
| 3          | <i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>                           | 480            | 0               | 29               | 95               | 93        | 115        | 148        |
| 4          | <i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>                        | 1              | 0               | 0                | 1                | 0         | 0          | 0          |
| 5          | <i>Số trẻ thừa cân béo phì (Theo BMI)</i>                        | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0          | 0          |

| STT        | Nội dung                                                | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ  |           |           | Mẫu giáo  |            |            |
|------------|---------------------------------------------------------|----------------|----------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|
| <b>0VI</b> | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b> | <b>481</b>     | <b>0</b> | <b>29</b> | <b>96</b> | <b>93</b> | <b>115</b> | <b>148</b> |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà trẻ                           | 125            | 0        | 29        | 96        | 0         | 0          | 0          |
| 2          | Chương trình giáo dục mẫu giáo                          | 356            | 0        | 0         | 0         | 93        | 115        | 148        |

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Kết quả thu chi NSNN và quỹ học phí năm 2025

| STT       | Nội dung                                                                                                           | Số tiền (Đồng)       |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                                                                  |                      |
| <b>I</b>  | <b>Tổng thu NSNN năm 2025</b>                                                                                      | <b>6.832.180.300</b> |
| 1         | Nguồn kinh phí thường xuyên                                                                                        | 6.477.771.800        |
| 2         | Nguồn kinh phí không thường xuyên                                                                                  | 354.408.500          |
| <b>II</b> | <b>Tổng chi NSNN năm 2025</b>                                                                                      | <b>6.832.180.300</b> |
| 1         | Nguồn kinh phí thường xuyên                                                                                        | 6.477.771.800        |
|           | - Chi thanh toán cho cá nhân: lương, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐBNN, KPCĐ | 5.827.027.100        |
|           | - Chi hàng hóa, dịch vụ                                                                                            | 644.305.900          |
|           | - Chi khác                                                                                                         | 6.438.800            |
| 2         | Nguồn kinh phí không thường xuyên                                                                                  | 354.408.500          |
|           | - Chi hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ                                                                               | 2.550.000            |
|           | - Chi hỗ trợ ăn trưa                                                                                               | 11.360.000           |
|           | - Chi cấp bù miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025                                                        | 1.137.500            |
|           | - Chi tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP                                                                            | 339.361.000          |
| <b>B</b>  | <b>NGUỒN HỌC PHÍ NĂM 2025</b>                                                                                      |                      |
| <b>I</b>  | <b>Tổng thu</b>                                                                                                    | <b>242.372.156</b>   |
| 1         | Kinh phí năm 2024 chuyển sang                                                                                      | 130.377.156          |
| 2         | Kinh phí thu năm 2025                                                                                              | 111.995.000          |
|           | - Kinh phí thu từ học sinh học kỳ II năm học 2024-2025                                                             | 110.857.500          |
|           | - Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí kỳ II năm học 2024-2025                                                       | 1.137.500            |

|            |                                      |                    |
|------------|--------------------------------------|--------------------|
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi</b>                      | <b>82.912.500</b>  |
| 1          | Chi các khoản thanh toán cho cá nhân | 0                  |
| 2          | Chi hàng hóa, dịch vụ                | 82.912.500         |
| 3          | Chi khác                             | 0                  |
| <b>III</b> | <b>Kinh phí còn lại tại kho bạc</b>  | <b>159.459.656</b> |

## 2. Các quỹ ngoài ngân sách năm học 2025-2026

ĐVT: Đồng

| STT | Nội dung thu                                        | Tổng thu      | Tổng chi      | Tồn |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------|---------------|-----|
| 1   | Tiền ăn bán trú                                     | 1.451.100.000 | 1.451.100.000 | 0   |
| 2   | Tiền chất đốt phục vụ bán trú                       | 95.797.000    | 95.797.000    | 0   |
| 3   | Dịch vụ quản lý trẻ bán trú                         | 360.960.000   | 360.960.000   | 0   |
| 4   | Dịch vụ nấu ăn (Tiền công trả người nấu ăn bán trú) | 364.791.550   | 364.791.550   | 0   |
| 5   | Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú  | 31.000.000    | 31.000.000    | 0   |
| 6   | Dịch vụ vệ sinh                                     | 81.420.000    | 81.420.000    | 0   |
| 7   | Tiền nước sinh hoạt phục vụ bán trú                 | 43.769.050    | 43.769.050    | 0   |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Công tác quản trị nhà trường

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành Giáo dục; tiếp tục đổi mới công tác quản trị theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch và hiệu quả. Các quy chế, quy định nội bộ được rà soát, bổ sung và thực hiện nghiêm túc. Công tác kiểm tra nội bộ trường học được triển khai theo kế hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### 2. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ

Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng số 49 cán bộ, giáo viên, nhân viên,

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; 49/49 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đạt tỉ lệ 100%; đội ngũ có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp giáo dục trẻ.

- Lãnh đạo nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

Bên cạnh đó nhà trường còn tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia tập huấn bồi dưỡng về công tác tài chính, đấu thầu, thanh tra, nghiệp vụ kế toán,

bồi dưỡng thường xuyên, phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, bồi dưỡng về kiến thức vệ sinh ATTP...

Trong năm học 2025-2026, 100% CB, GV, NV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số và các khóa học Bình dân học vụ số do các cấp và nhà trường tổ chức.

Hàng tháng nhà trường tổ chức hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên đề trường, chuyên đề tổ khối cho CB, GV tham dự, rút kinh nghiệm. Tổ chức cho 100% giáo viên tham dự trực tiếp và trực tuyến các buổi chuyên đề do Sở GDĐT Ninh Bình tổ chức.

Trong năm học nhà trường tổ chức thực hiện thi điểm tại tổ chuyên môn 5-6 tuổi hình thức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

### **3. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động giáo dục. Thực hiện quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách của nhà trường khoa học, hiệu quả theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý chuyên ngành như: Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, Quản lý văn bản điều hành, Phổ cập giáo dục, Edoc, phần mềm kế toán, phần mềm bán trú, phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức, sổ tay đảng viên điện tử...

Thực hiện số hóa hồ sơ chuyên môn, hồ sơ quản lý; tăng cường ứng dụng các công cụ số trong xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, chú trọng bồi dưỡng giáo viên biết sử dụng công cụ Padlet, Capcut, sử dụng Google Form, phần mềm MindMaple Classic, Ứng dụng STEAM, phần mềm Canva, phần mềm chat GPT, Gemini ...; xây dựng kho học liệu điện tử để chia sẻ phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thực hiện thu, chi không dùng tiền mặt đối với các khoản thu trong nhà trường theo đúng quy định. Duy trì hoạt động Website, Fanpage, zalo OA và các nền tảng truyền thông số của nhà trường; thường xuyên cập nhật thông tin, hình ảnh hoạt động phục vụ công tác truyền thông giáo dục. Kết quả: 481/481 phụ huynh, đạt tỷ lệ 100% phụ huynh nộp các khoản thu không sử dụng tiền mặt.

### **4. Công tác bảo đảm an toàn trường học**

Nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung xây dựng trường học an toàn, thân thiện, hạnh phúc; thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non. Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã:

Xây dựng và triển khai đầy đủ các kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn trường học; phương án phòng chống tai nạn thương tích, phòng cháy chữa cháy, nạn cứu hộ và phòng chống dịch bệnh.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ; nâng cao nhận thức về an toàn trường học đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh. Thường xuyên rà soát, kiểm tra cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học; kịp thời sửa chữa, khắc phục các nguy cơ mất an toàn.

Duy trì hiệu quả hệ thống camera giám sát tại các lớp học và khu vực trong khuôn viên trường; thực hiện nghiêm quy trình đón, trả trẻ hàng ngày. Phối hợp chặt chẽ với Công an phường, lực lượng dân phòng và Trạm Y tế địa phương trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Kết quả: Trong năm học không xảy ra vụ việc mất an ninh trật tự, tai nạn thương tích nghiêm trọng hay ngộ độc thực phẩm trong nhà trường; môi trường giáo dục an toàn, thân thiện được duy trì ổn định, tạo sự tin tưởng của cha mẹ trẻ.

### **5. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc huy các nguồn lực phục vụ hoạt động giáo dục

Thông qua các cuộc họp phụ huynh và các kênh thông tin điện tử, cha mẹ trẻ được cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình học tập, sức khỏe và sự phát triển của trẻ, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

+ Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã huy động sự tham gia tích cực của Cha mẹ trẻ trong các hoạt động trải nghiệm, ngày hội, ngày lễ của trẻ như “Ngày hội đến trường của bé”; “Đêm hội trăng rằm 2025”; Hoạt động trải nghiệm “Bé là chiến sĩ tí hon”; Chương trình “ Tôi yêu Việt Nam” “Tiệc Buffet cho bé nhân dịp sinh nhật”; “Ngày hội Stem” , “Hội chợ xuân 2026”, “ Ngày hội đọc Sách”, Chương trình giao lưu “ Việt Nam trong tim em” nhân dịp chào mừng ngày giải phóng Điện Biên. Chương trình văn nghệ Chia tay học sinh 5 tuổi, tổng kết năm học và vui tết thiếu nhi 1/6...

+ Phối hợp cùng cha mẹ trẻ xây dựng môi trường giáo dục Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc cho trẻ hoạt động.

+ Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giáo dục mầm non.

Các nguồn lực xã hội hóa được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch và góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

### **6. Công tác thi đua, các phong trào và hoạt động xã hội**

Nhà trường tích cực hưởng ứng và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do ngành Giáo dục và địa phương phát động; tiếp tục triển khai các cuộc vận động về đổi mới, sáng tạo trong quản lý và giảng dạy, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phát huy tốt vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội tại địa phương.

## **7. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn**

quốc gia Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được của trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2024-2029.

Trong năm học 2025-2026:

Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định.

Xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm.

Thường xuyên rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn; bổ sung minh chứng, hồ sơ phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Kết quả: Nhà trường tiếp tục duy trì vững chắc các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2, tạo nền tảng để chuẩn bị đánh giá ngoài giai đoạn 2027-2032.

## **8. Công tác thi đua, khen thưởng và xây dựng điển hình tiên tiến**

Nhà trường triển khai hiệu quả các phong trào thi đua của ngành Giáo dục và địa phương; gắn phong trào thi đua với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Với kết quả đạt được, chi bộ trường Mầm non Bắc Lý được Đảng ủy xã Bắc Lý xếp loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường Mầm non Bắc Lý được xếp loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc, tặng Bằng khen. Thủ tướng tặng Cờ thi đua xuất sắc.

## **9. Đánh giá chung**

Năm học 2025-2026, Trường Mầm non Bắc Lý đã hoàn thành đạt và vượt các nhiệm vụ trọng tâm khác theo kế hoạch năm học; duy trì nền nếp, kỷ cương, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn trường học, tăng cường công khai, minh bạch và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa.

Các kết quả đạt được đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; khẳng định uy tín, vị thế của nhà trường đối với phụ huynh và cộng đồng địa phương.

## **10. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027**

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giáo dục.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Duy trì chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

Thực hiện hiệu quả công tác tự đánh giá, chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ đánh giá ngoài chu kỳ 2022-2029.

Duy trì vững chắc kết quả Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

Trên đây là báo cáo thường niên phụ lục I theo Thông tư 09/2024/TT - BGDDT của trường Mầm non Bắc Lý năm 2026. Nhà trường trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Phòng VH-XH xã Bắc Lý (để b/c);
- Lãnh đạo, tổ CM (để thực hiện);
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Thị Vân Ánh**